

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT**  
**cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BCTC HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 29







**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*(tiếp theo)*

Ông Ngô Nguyên Hải

Phó Tổng giám đốc

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**

---

**Đào Ngọc Thanh**

**Tổng giám đốc**

*Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2011*

Số : .....-11/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
**của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 được lập ngày 19 tháng 08 năm 2011 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 02 đến trang 05, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực và Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo soát xét được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

---

**Phạm Hùng Sơn**  
Phó Tổng giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

---

**Ngô Bá Duy**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>226,390,709,887</b>	<b>232,964,982,564</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>27,579,020,643</b>	<b>29,132,256,859</b>
1 Tiền	111	V.1.1	27,579,020,643	29,132,256,859
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2.</b>	<b>451,324,100</b>	<b>451,465,300</b>
1 Đầu tư ngắn hạn	121		455,578,075	455,578,075
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4,253,975)	(4,112,775)
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>106,610,586,546</b>	<b>131,533,016,226</b>
1 Phải thu của khách hàng	131		89,795,724,907	122,051,311,780
2 Trả trước cho người bán	132		15,973,526,357	8,840,614,839
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	856,907,282	656,661,607
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(15,572,000)	(15,572,000)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>76,152,628,735</b>	<b>63,307,133,835</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	76,152,628,735	63,307,133,835
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15,597,149,863</b>	<b>8,541,110,344</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		39,800,000	370,137,304
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,353,842,985	5,686,681,884
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	6,000,000
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		12,203,506,878	2,478,291,156
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN(200=210+220+240+250+260+269</b>	<b>200</b>		<b>370,364,971,112</b>	<b>315,578,763,355</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>111,915,078,186</b>	<b>108,277,414,019</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	44,079,673,182	41,377,302,903
- Nguyên giá	222		56,292,273,256	51,615,698,591
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12,212,600,074)	(10,238,395,688)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.6.	2,286,507,963	1,908,159,349
- Nguyên giá	225		2,968,227,698	2,368,493,154
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(681,719,735)	(460,333,805)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	7,155,366,444	7,158,166,111
- Nguyên giá	228		7,243,041,989	7,243,041,989
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(87,675,545)	(84,875,878)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	58,393,530,597	57,833,785,656
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>255,556,845,191</b>	<b>204,193,017,608</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		100,346,984,991	94,983,157,408
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.9.	155,209,860,200	109,209,860,200
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,893,047,735</b>	<b>3,108,331,728</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	2,619,387,024	2,884,671,017
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16.	144,798,711	144,798,711
3 Tài sản dài hạn khác	268		128,862,000	78,862,000
<b>VI Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>		<b>270</b>	<b>596,755,680,999</b>	<b>548,543,745,919</b>
<i>(tiếp theo)</i>				
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>467,759,886,541</b>	<b>422,275,224,734</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>244,013,305,471</b>	<b>257,275,786,500</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	62,223,279,695	47,817,580,916
2 Phải trả người bán	312		69,556,812,147	100,541,544,538
3 Người mua trả tiền trước	313		46,963,396,609	37,159,894,899
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	2,887,547,909	3,638,330,584
5 Phải trả người lao động	315		6,139,797,591	6,424,253,186
6 Chi phí phải trả	316	V.13.	5,264,236,579	497,000,585
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	49,577,225,905	58,997,251,474
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,401,009,036	2,199,930,318
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>223,746,581,070</b>	<b>164,999,438,234</b>
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		211,880,543,000	154,767,660,000
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	9,423,313,938	7,711,306,187
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.16.	-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		118,558,228	118,558,228
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		305,304,497	305,304,497
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		2,018,861,407	2,096,609,322
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>118,185,638,284</b>	<b>115,928,228,522</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17.	<b>118,185,638,284</b>	<b>115,928,228,522</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		30,225,000,000	30,225,000,000
4 Cổ phiếu quỹ	414		(873,770,000)	(873,770,000)
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		9,890,077	20,409,025
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		2,268,569,902	2,279,542,787
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2,022,854,437	2,028,487,558
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34,533,093,868	32,248,559,152
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
<b>C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>10,810,156,174</b>	<b>10,340,292,663</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>596,755,680,999</b>	<b>548,543,745,919</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011*

**Mẫu số B 01a - DN/HN**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011**

**Trần Trọng Đại**

**Đinh Thị Minh Hằng**

**Đào Ngọc Thanh**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH KINH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.18.</b>	<b>184,932,464,663</b>	<b>145,542,043,526</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.19.</b>	<b>184,932,464,663</b>	<b>145,542,043,526</b>
<b>4 Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>VI.20.</b>	<b>169,251,576,448</b>	<b>136,885,770,911</b>
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>15,680,888,215</b>	<b>8,656,272,615</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21.	298,419,000	2,057,560,736
7 Chi phí tài chính	22	VI.22.	3,650,790,770	1,031,431,606
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3,629,681,420</i>	<i>1,027,231,483</i>
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,878,254,786	4,505,731,146
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>6,450,261,659</b>	<b>5,176,670,599</b>
11 Thu nhập khác	31		219,552,540	56,704,576
12 Chi phí khác	32		171,257,408	99,337,211
<b>13 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>48,295,132</b>	<b>(42,632,635)</b>
<b>14 Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>5,407,327,583</b>	<b>679,368</b>
<b>15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>11,905,884,374</b>	<b>5,134,717,332</b>
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,598,980,774	1,350,126,188
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>10,306,903,600</b>	<b>3,784,591,144</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		270,494,715	322,501,859
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		10,036,408,885	3,462,089,285
<b>19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.23.</b>	<b>2,079</b>	<b>1,019</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**

Người lập

Kế toán trưởng

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã ý số min	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11,905,884,374	5,134,037,964
2. Điều chỉnh cho các khoản		5,800,240,771	318,396,909
- Khấu hao tài sản cố định	02	2,363,629,983	1,345,113,861
- Các khoản dự phòng	03	141,200	(3,900,500)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(193,211,832)	(2,004,547,935)
- Chi phí lãi vay	06	3,629,681,420	981,731,483
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17,706,125,145	5,452,434,873
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	17,530,052,857	(22,902,292,649)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(12,845,494,900)	(32,759,067,926)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	25,398,640,565	167,140,786,723
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	595,621,297	670,650,892
- Tiền lãi vay phải trả	13	(3,629,681,420)	(976,372,128)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2,051,422,784)	(1,079,262,759)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4,044,000	403,541,570
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(926,057,685)	(645,900,026)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>41,781,827,075</b>	<b>115,304,518,570</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6,143,522,419)	(4,272,750,615)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	57,554,545
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(46,000,000,000)	(115,591,350,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	296,800,023	1,181,537,036
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(51,846,722,396)</b>	<b>(118,625,009,034)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	717,500,000	51,905,940,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(170,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	65,353,086,190	24,006,363,978
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(45,958,935,122)	(26,091,153,989)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(3,276,444,538)	(121,986,753)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8,323,547,425)	(2,598,589,634)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>8,511,659,105</b>	<b>47,100,403,602</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(1,553,236,216)</b>	<b>43,779,913,138</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>29,132,256,859</b>	<b>25,490,000,685</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>27,579,020,643</b>	<b>69,269,913,823</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

Đào Ngọc Thanh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng Thành Nam được thành lập ngày 01/06/1993 theo Quyết định số 2162/QĐ-UB của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, sau đó được chuyển đổi thành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003621 ngày 04/02/2004 (đăng ký lần đầu) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 09 lần thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 9 ngày 29/07/2010 thì Vốn điều lệ của Công ty là: **50.000.000.000 đồng** (Năm mươi tỷ đồng)

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và cho thuê thiết bị.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng;
- Lắp đặt điện nước, điện lạnh, trang trí ngoại nội thất công trình;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Sản xuất và buôn bán: Vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị xây dựng, tấm trần, vật liệu chống thấm, đồ gỗ gia dụng, hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: dịch vụ tư vấn bất động sản; dịch vụ quảng cáo bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ đấu giá bất động sản; dịch vụ định giá bất động sản; dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch;
- Khai thác gỗ và lâm sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi;
- Sản xuất sản phẩm khắc bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công, kim loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và tuyến cố định;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, chứng khoán);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội  
Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

**4. Danh sách các Công ty con quan trọng được hợp nhất của Công ty**  
*Trong đó:* - Số lượng công ty con: 05 Công ty

**1. Công ty CP Xây dựng và Kỹ thuật Hạ tầng Thành Nam**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 61%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 56%

**2. Công ty CP Xây dựng và Phát triển Công nghệ Thành Nam**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 63,8%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

**3. Công ty CP Tư vấn xây dựng Nam Thành Đô**

Địa chỉ: Tầng 4, Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

**4. Công ty CP Truyền thông BRIQ**

Địa chỉ: Tầng 5, Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 91%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

**5. Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Nam Thanh**

Địa chỉ: Phòng 501, Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 55,6%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

**5. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

**1. Công ty TNHH Kính Thành Nam**

Địa chỉ: Số 2, Đường TS17, Khu công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh  
Tỷ lệ phần sở hữu: 26%  
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 26%

**2. Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

Tỷ lệ phần sở hữu: 20%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20%

**3. Công ty Cổ phần ĐT & PT Bất Động Sản Thành Nam**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tỷ lệ phần sở hữu: 28%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 28%

**4. Công ty Cổ phần ĐT PT Bất Động Sản HUDLAND**

Địa chỉ: Tầng 5, số 430 Ngô Gia Tự, Long Biên, Hà Nội

Tỷ lệ phần sở hữu: 31%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 31%

**5. Công ty CP Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Thành Nam**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tỷ lệ phần sở hữu: 25%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%

**6. Công ty Cổ phần ĐT PT Công nghệ Thành Nam**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tỷ lệ phần sở hữu: 46%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 46%

**7. Công ty BMS Thành Nam**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tỷ lệ phần sở hữu: 25%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Riêng Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận Công ty chưa áp dụng để lập Báo cáo tài chính này.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp từ 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 30/06/2010. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Công ty con và giữa Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

**Các công ty liên kết**

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó không được ghi nhận.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho :** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 30/06/2011, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**4.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

**Loại tài sản cố định**

**Thời gian khấu hao <năm >**

Nhà cửa vật kiến trúc  
Máy móc, thiết bị  
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn  
Thiết bị, dụng cụ quản lý

**4.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất không có thời hạn và phần mềm kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán trong thời gian là 3 năm.

Riêng quyền sử dụng đất không xác định thời gian sử dụng nên không tính khấu hao theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

**4.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính và khấu hao**

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là: Xe ô tô Ford Everest 3438, Xe ô tô TOYOTA Hiace Commuter 16 chỗ được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê. Cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

**Loại tài sản cố định**

**Thời gian khấu hao <năm >**

Máy móc, thiết bị  
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm cổ phiếu có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua hoặc cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết, cho vay vốn có thời hạn thu hồi trên một năm và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Khi giá trị thuần của có thể thực hiện được của các khoản đầu tư ngắn hạn (dài hạn) giảm xuống thấp hơn giá gốc, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá giảm giá khoản đầu tư. Tại thời điểm 30/06/2011, đối với các khoản đầu tư ngắn hạn Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**

**(tiếp theo)**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Chi phí mua các loại bảo hiểm (bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe..) và các loại lệ phí mua và trả một lần;

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được mua lại do chính Công ty phát hành không nhằm mục đích để bán và được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Khoản cổ phiếu mà công ty con mua lại của Công ty mẹ được trình bày là khoản Cổ phiếu quỹ.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cho thuê thiết bị..., Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, thu cổ tức...

- Do các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 – " Hợp đồng xây dựng".

- Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê thiết bị được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – " Doanh thu và thu nhập khác".

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

- Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

**13.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các Công trình: Trụ sở ở Bán đảo Linh Đàm, Công trình ở Hà Tây, Công trình nhà liền kề Khu đô thị mới Đông Sơn - Thanh Hóa, Công trình Công cộng VP5 Linh Đàm được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

**13.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

**13.4 Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với các hoạt động xây dựng và cho thuê thiết bị.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**13.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn công trình xây dựng được ghi nhận và tập hợp tương ứng với chi phí đầu vào theo giá trị và khối lượng thi công của từng công trình. Tuy nhiên một số công trình khoán cho các đội và xí nghiệp được ghi nhận như sau: Riêng giá vốn của các công trình giao khoán cho các đội và các xí nghiệp để đảm bảo kinh doanh có lãi, Công ty thực hiện giao khoán cho các đội và xí nghiệp với tỷ lệ 93% và 94% giá trị công trình (tùy thuộc vào điều kiện thực tế mà tỷ lệ giao khoán của từng công trình có thể thay đổi). Do vậy, chi phí giá vốn của một số công trình giao khoán cho các Đội và Xí nghiệp được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh và không vượt quá tỷ lệ giao khoán trong từng hợp đồng.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

<b>1.1 Tiền</b>	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2,756,832,909	13,762,002,892
Tiền gửi ngân hàng	24,822,187,734	15,370,253,967

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
*(tiếp theo)*

<b>Cộng</b>		<b>27,579,020,643</b>		<b>29,132,256,859</b>	
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>30/06/2011</b>		<b>01/01/2011</b>	
		<b>Số lượng</b>		<b>Số lượng</b>	
		<b>cổ phiếu</b>	<b>Giá trị (VND)</b>	<b>cổ phiếu</b>	<b>Giá trị (VND)</b>
<b>2.1 Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn</b>		<b>71</b>	<b>5,578,075</b>	<b>71</b>	<b>5,578,075</b>
- GTA		1	60,428	1	60,428
- PVS		70	5,517,647	70	5,517,647
<b>2.2 Đầu tư ngắn hạn khác</b>			<b>30/06/2011</b>		<b>01/01/2011</b>
			<b>VND</b>		<b>VND</b>
<b>Đầu tư cho vay</b>					
Công ty CP Kinh Thành Nam vay			450,000,000		450,000,000
<b>2.3 Dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>		<b>30/06/2011</b>		<b>01/01/2011</b>	
		<b>Số lượng</b>		<b>Số lượng</b>	
		<b>cổ phiếu</b>	<b>Giá trị (VND)</b>	<b>cổ phiếu</b>	<b>Giá trị (VND)</b>
<b>Dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>		<b>71</b>	<b>(4,253,975)</b>	<b>71</b>	<b>(4,112,775)</b>
- GTA		1	(52,328)	1	(51,128)
- PVS		70	(4,201,647)	70	(4,061,647)
<b>Cộng các khoản đầu tư tài chính</b>			<b>451,324,100</b>		<b>451,465,300</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>			<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>	
			<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Công ty CP Kinh Thành Nam			173,363,176	173,363,176	
Công ty Comaland			194,854,000	-	
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - NH TMCP NTVN			151,036,555	100,839,375	
Đối tượng khác			337,653,551	382,459,056	
<b>Cộng</b>			<b>856,907,282</b>	<b>656,661,607</b>	
<b>4. Hàng tồn kho</b>			<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>	
			<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)			75,978,865,648	63,108,453,787	
Hàng hoá			173,763,087	198,680,048	
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>			<b>76,152,628,735</b>	<b>63,307,133,835</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
**(tiếp theo)**

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí sản xuất kinh doanh của các công trình: Công trình 671 Hoàng Hoa Thám, Công trình CT17 Việt Hưng 17 tầng, Công trình 26, 27 Bắc Đại Kim, Công trình Đặng Xá - Gia Lâm - Hà Nội, Công trình trụ sở Công ty HUD kết hợp văn phòng cho thuê HUD TOWER,...

5. Tài sản cố định hữu hình	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	VND	VND
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
*(tiếp theo)*

**6. Tài sản cố định thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
<b>Số dư ngày 01/01/2011</b>	<b>1,934,487,821</b>	<b>434,005,333</b>	<b>2,368,493,154</b>
Thuê tài chính trong kỳ	22,369,089	577,365,455	599,734,544
Tăng khác	-	-	-
Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư ngày 30/06/2011</b>	<b>1,956,856,910</b>	<b>1,011,370,788</b>	<b>2,968,227,698</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư ngày 01/01/2011</b>	<b>341,097,785</b>	<b>119,236,020</b>	<b>460,333,805</b>
Khấu hao trong kỳ	135,618,662	85,767,268	221,385,930
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư ngày 30/06/2011</b>	<b>476,716,447</b>	<b>205,003,288</b>	<b>681,719,735</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>1,593,390,036</b>	<b>314,769,313</b>	<b>1,908,159,349</b>
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>1,480,140,463</b>	<b>806,367,500</b>	<b>2,286,507,963</b>

**7. Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
<b>Số dư ngày 01/01/2011</b>	<b>7,153,499,999</b>	<b>89,541,990</b>	<b>7,243,041,989</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**

*(tiếp theo)*

Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư ngày 30/06/2011</b>	<b>7,153,499,999</b>	<b>89,541,990</b>	<b>7,243,041,989</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<b>Số dư ngày 01/01/2011</b>	-	<b>84,875,878</b>	<b>84,875,878</b>	
Khấu hao trong kỳ	-	2,799,667	2,799,667	
Tăng khác	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	
<b>Số dư ngày 30/06/2011</b>	-	<b>87,675,545</b>	<b>87,675,545</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>7,153,499,999</b>	<b>4,666,112</b>	<b>7,158,166,111</b>	
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>7,153,499,999</b>	<b>1,866,445</b>	<b>7,155,366,444</b>	
<b>8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>	
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Công trình Trụ sở tại Bán đảo Linh Đàm		4,363,481,851	3,844,072,365	
Công trình tại Hà Tây		1,840,674,739	1,840,674,739	
Công trình nhà liền kề Khu đô thị mới Đông Sơn - Thanh Hóa		38,312,314,007	38,271,978,552	
Công trình Công cộng VP5 Linh Đàm		13,877,060,000	13,877,060,000	
<b>Cộng</b>		<b>58,393,530,597</b>	<b>57,833,785,656</b>	
<b>9. Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>	
		<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị (VND)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị (VND)</b>
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>				
Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Việt Hưng	1,400,000	14,000,000,000	1,400,000	14,000,000,000
Công ty CP Thương mại & Xây dựng Kinh Đô	5,936	59,360,200	5,936	59,360,200
Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu Thành Nam	55,000	550,000,000	55,000	550,000,000
Công ty kinh doanh bất động sản Viglacera		130,600,000,000	-	94,600,000,000
Công ty CP tư vấn và Thương mại Thăng Long		10,000,000,000	-	-
Đầu tư Trái phiếu Chính phủ	-	500,000	-	500,000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
*(tiếp theo)*

<b>Cộng</b>		<b>1,460,936</b>	<b>155,209,860,200</b>	<b>1,460,936</b>	<b>109,209,860,200</b>
<b>10. Chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí công cụ dụng cụ				2,218,197,981	1,901,363,469
Chi phí thành lập doanh nghiệp				42,838,068	214,632,494
Chi phí khác				358,350,975	768,675,054
<b>Cộng</b>				<b>2,619,387,024</b>	<b>2,884,671,017</b>
<b>11. Vay và nợ ngắn hạn</b>				<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>				<b>61,951,233,549</b>	<b>47,350,944,304</b>
<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>Lãi suất/năm</b>			<b>54,441,233,549</b>	<b>39,488,986,819</b>
Vay ngân hàng				43,874,239,264	32,005,385,932
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam (1)	16,5%-17,5%			43,874,239,264	32,005,385,932
Vay cá nhân				10,566,994,285	7,483,600,887
Hoàng Việt Hùng	12%/năm			3,091,000,000	-
Lương Ngọc Huyền	12%/năm			4,540,274,550	7,190,881,026
Lê Anh	12%/năm			310,647,001	292,719,861
Phạm Cao Sơn	12%/năm			618,406,067	-
Đoàn Văn Tuấn	12%/năm			2,006,666,667	-
<b>Chi nhánh Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam</b>				<b>3,027,500,000</b>	<b>4,355,000,000</b>
Vay cá nhân				3,027,500,000	4,355,000,000
Đào Ngọc Thanh	6%/năm			1,500,000,000	1,500,000,000
Nguyễn Văn Trang	6%/năm			200,000,000	200,000,000
Vũ Văn Chiến	6%/năm			817,500,000	1,940,000,000
Vương Hoàng Long	6%/năm			-	105,000,000
Nguyễn Thị Ngọc Hương	6%/năm			510,000,000	610,000,000
<b>Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Nam Thanh</b>				<b>2,637,500,000</b>	<b>500,000,000</b>
Vay cá nhân				2,637,500,000	500,000,000
Đào Thị Hòa	17%/năm			2,137,500,000	-
Đào Ngọc Thanh	0%/năm			500,000,000	500,000,000
<b>Công ty CP Xây dựng và Hạ tầng kỹ thuật Thành Nam</b>				<b>1,845,000,000</b>	<b>3,006,957,485</b>
Vay cá nhân				1,845,000,000	1,795,000,000
Vũ Thị Hoa	14%-20%/năm			845,000,000	1,395,000,000
Ngô Nguyễn Hải	20%/năm			1,000,000,000	-
Nguyễn Thị Thu Hà				-	400,000,000
Ngân hàng TMCP An Bình - Phòng GD Đại Kim				-	1,211,957,485
<b>Nợ dài hạn hạn đến hạn trả</b>				<b>272,046,146</b>	<b>466,636,612</b>
<b>Văn phòng Công ty</b>				<b>124,148,396</b>	<b>170,841,112</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**

*(tiếp theo)*

<i>Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP NT Việt Nam</i>	124,148,396	170,841,112
<i>Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Nam Thanh</i>	147,897,750	295,795,500
<i>Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP NT Việt Nam</i>	147,897,750	295,795,500
<b>Cộng</b>	<b>62,223,279,695</b>	<b>47,817,580,916</b>
<i>(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng NN &amp; PTNT Việt Nam theo HĐTD số 1482-LAV-201000243 ngày 01/07/2010, lãi suất vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, lãi suất trong 6 tháng đầu năm 2011 là từ 16,5%-17,5%</i>		
<b>12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	222,055,860	-
Thuế GTGT hàng bán nội địa	806,879,906	1,120,474,498
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1,723,023,288	2,242,501,371
Thuế Thu nhập cá nhân	47,444,155	33,350,370
Các loại thuế khác	88,144,700	242,004,345
<b>Cộng</b>	<b>2,887,547,909</b>	<b>3,638,330,584</b>
<b>13. Chi phí phải trả</b>	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	1,055,394,879	412,307,893
Chi phí dịch vụ văn phòng phải trả	4,158,740,000	167,502
Chi phí khác	50,101,700	84,525,190
<b>Cộng</b>	<b>5,264,236,579</b>	<b>497,000,585</b>
<b>14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	51,724,876	80,190,188
Bảo hiểm xã hội	97,551,121	5,301,765
Bảo hiểm y tế	40,411,215	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	49,387,538,693	58,911,759,521
<i>Xí nghiệp 1 (Nguyễn Hồng Phú)</i>	2,701,988,852	6,411,077,417
<i>Xí nghiệp 2</i>	16,799,684,544	15,667,675,506
<i>Xí nghiệp Xây dựng số 2 (Nguyễn Văn Thắng)</i>	2,415,276,134	2,314,129,828
<i>Xí Nghiệp 6 (Đầu Minh Luân)</i>	1,566,818,350	1,654,648,524
<i>Xí nghiệp 7 (Ngô Huy Hùng)</i>	2,326,122,951	1,682,859,194
<i>Xí nghiệp Xây dựng số 8 (Đoàn Văn Tuấn)</i>	-	1,758,226,525
<i>Xí nghiệp Xây dựng số 9</i>	1,283,569,597	4,103,506,186
<i>Xí nghiệp 10</i>	5,580,050,050	7,758,525,061
<i>Xí nghiệp Mộc và Nội thất Thành Nam</i>	696,317,745	1,787,458,169
<i>Nguyễn Văn Dân</i>	2,656,419,757	4,072,747,057
<i>Đặng Hữu Kỳ</i>	1,859,065,016	426,446,363

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**

*(tiếp theo)*

<i>Đối tượng khác</i>		11,502,225,697	11,274,459,691
<b>Cộng</b>		<b>49,577,225,905</b>	<b>58,997,251,474</b>
<b>15. Vay và nợ dài hạn</b>		<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Vay dài hạn</b>	<i>Lãi suất/năm</i>	<b>8,914,445,401</b>	<b>7,563,041,061</b>
<i>Văn phòng Công ty</i>		<b>7,221,141,105</b>	<b>5,673,936,767</b>
Vay ngân hàng		2,597,043,250	1,085,855,000
<i>Ngân hàng NNo &amp; PTNT Việt Nam (*)</i>		<i>2,597,043,250</i>	<i>1,085,855,000</i>
Vay cá nhân		4,624,097,855	4,588,081,767
<i>Đào Ngọc Thanh</i>	<i>12%</i>	<i>624,097,855</i>	<i>588,081,767</i>
<i>Công ty CP Kinh doanh PT Nhà và Đô thị Hà Nội (**)</i>		<i>4,000,000,000</i>	<i>4,000,000,000</i>
 <i>Công ty CP Xây dựng và Hạ tầng Kỹ thuật Thành Nam</i>		 <b>879,866,671</b>	 <b>1,075,666,669</b>
Vay ngân hàng			
<i>Ngân hàng TMCP Liên Việt Chi nhánh Trần Đăng Ninh</i>		<i>550,200,000</i>	<i>660,000,000</i>
<i>Ngân hàng TMCP An Bình</i>		<i>329,666,671</i>	<i>415,666,669</i>
 <i>Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Nam Thanh</i>		 <b>813,437,625</b>	 <b>813,437,625</b>
Vay ngân hàng			
<i>Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP NT Việt Nam</i>		<i>813,437,625</i>	<i>813,437,625</i>
<b>b) Nợ dài hạn</b>		<b>508,868,537</b>	<b>148,265,126</b>
<i>Công ty cho thuê tài chính NHNT Việt Nam</i>		<i>508,868,537</i>	<i>148,265,126</i>
<b>Cộng</b>		<b>9,423,313,938</b>	<b>7,711,306,187</b>

(\*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng NNo & PTNT Việt Nam theo HĐTD 1482-LAV-201100-270 ngày 20/5/2011, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay theo quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng NNo & PTNT Việt Nam và Chi nhánh Ngân hàng NNo & PPTNT Hùng Vương, tài sản đảm bảo là chiếc cầu tháp NTP mới 100% trị giá 107.700 USD.

(\*\*) Khoản vay Công ty CP Kinh doanh PT Nhà và Đô thị Hà Nội theo Hợp đồng vay vốn số 01/2010/HĐVV-HANHUD, căn cứ theo đơn đề nghị vay vốn ngày 12/5/2010 của Công ty CP Đầu tư xây dựng Thành Nam, lãi suất theo ngân hàng tại thời điểm, thời hạn cho vay theo đơn đề nghị vay vốn, được đảm bảo bằng toàn bộ doanh thu của Công trình chung cư cao tầng Lô 27- Khu đất 21N0 Khu đô thị Bắc Đại Kim mở rộng.

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

<b>a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số đầu kỳ		144,798,711	-
Số phát sinh trong kỳ		-	144,798,711
Hoàn nhập trong kỳ		-	-
<b>Số cuối kỳ</b>		<b>144,798,711</b>	<b>144,798,711</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
*(tiếp theo)*

**17. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2010</b>	<b>50,000,000,000</b>	<b>2,500,000,000</b>	<b>7,792,065,850</b>	<b>60,292,065,850</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	27,725,000,000	-	27,725,000,000
Lãi trong năm trước	-	-	32,005,955,666	32,005,955,666
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	(2,941,496,459)	(2,941,496,459)
Chia cổ tức	-	-	(2,999,986,000)	(2,999,986,000)
Giảm khác	-	-	(1,607,979,905)	(1,607,979,905)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>50,000,000,000</b>	<b>30,225,000,000</b>	<b>32,248,559,152</b>	<b>112,473,559,152</b>
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	10,036,408,885	10,036,408,885
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	7,476,895,675	7,476,895,675
Giảm khác	-	-	274,978,494	274,978,494
<b>Số dư tại ngày 30/06/2011</b>	<b>50,000,000,000</b>	<b>30,225,000,000</b>	<b>34,533,093,868</b>	<b>114,758,093,868</b>
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>			<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của các cổ đông sáng lập			15,805,570,000	15,805,570,000
Vốn góp của các cổ đông khác			34,194,430,000	34,194,430,000
<b>Cộng</b>			<b>50,000,000,000</b>	<b>50,000,000,000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>50,000,000,000</b>	<b>50,000,000,000</b>
Vốn góp đầu năm	50,000,000,000	25,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	25,000,000,000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	50,000,000,000	50,000,000,000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>7,476,895,675</b>	<b>3,000,000,000</b>

**d) Cổ phiếu**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,000,000	5,000,000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**

*(tiếp theo)*

- Cổ phiếu phổ thông	5,000,000	5,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	41,617	41,617
- Cổ phiếu phổ thông	41,617	41,617
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,958,383	4,958,383
- Cổ phiếu phổ thông	4,958,383	4,958,383
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

<b>e) Các quỹ của công ty</b>	<b>01/01/2011</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Giảm trong năm</b>	<b>30/06/2011</b>
Quỹ đầu tư phát triển	2,279,542,787	300,000,000	310,972,885	2,268,569,902
Quỹ dự phòng tài chính	2,028,487,558	-	5,633,121	2,022,854,437
<b>Tổng cộng</b>	<b>4,308,030,345</b>	<b>300,000,000</b>	<b>316,606,006</b>	<b>4,291,424,339</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT và được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

<b>18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8,680,514,852	9,288,447,626
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	4,573,726,347	11,280,701,291
Doanh thu hoạt động xây dựng	171,678,223,464	124,972,894,609
<b>Cộng</b>	<b>184,932,464,663</b>	<b>145,542,043,526</b>
<b>19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	8,680,514,852	9,288,447,626
Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	4,573,726,347	11,280,701,291
Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	171,678,223,464	124,972,894,609

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**

*(tiếp theo)*

<b>Cộng</b>	<b>184,932,464,663</b>	<b>145,542,043,526</b>
<b>20. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5,178,115,392	8,237,934,844
Giá vốn bán vật tư, hàng hóa	3,992,616,909	10,959,407,030
Giá vốn hoạt động xây dựng	160,080,844,147	117,688,429,037
<b>Cộng</b>	<b>169,251,576,448</b>	<b>136,885,770,911</b>
<b>21. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	233,196,956	452,896,164
Cổ tức được chia	63,603,067	746,664,572
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1,618,977	858,000,000
<b>Cộng</b>	<b>298,419,000</b>	<b>2,057,560,736</b>
<b>22. Chi phí tài chính</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	3,629,681,420	1,027,231,483
Chi phí tài chính khác	21,109,350	4,200,123
<b>Cộng</b>	<b>3,650,790,770</b>	<b>1,031,431,606</b>
<b>23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10,306,903,600	3,462,089,285
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10,306,903,600	3,462,089,285
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4,958,393	3,396,328
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,079	1,019

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

**24. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**  
*(tiếp theo)*

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	1,500,000,000
Tiền lãi vay được vốn hóa vào giá trị của các công trình	519,409,486	604,948,599
Khấu trừ thuế TNCN từ tiền cổ tức chi trả	275,033,575	-

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

*Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2011*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**  
Người lập Kế toán trưởng Tổng giám đốc

**Trần Trọng Đại**

**Đinh Thị Minh Hằng**

**Đào Ngọc Thanh**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM**

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT**

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**Mẫu B 09a - DN/HN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư ngày 01/01/2011</b>	<b>32,769,002,456</b>	<b>11,158,289,641</b>	<b>6,646,123,442</b>	<b>1,042,283,052</b>	<b>51,615,698,591</b>
Mua trong kỳ	65,818,182	4,500,147,119		376,778,273	4,942,743,574
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	455,387,183	455,387,183
Thanh lý, nhượng bán	-	(290,168,000)	-	-	(290,168,000)
Giảm khác	-	(431,388,092)	-	-	(431,388,092)
<b>Số dư ngày 30/06/2011</b>	<b>32,834,820,638</b>	<b>14,936,880,668</b>	<b>6,646,123,442</b>	<b>1,874,448,508</b>	<b>56,292,273,256</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư ngày 01/01/2011</b>	<b>1,897,102,196</b>	<b>4,884,195,600</b>	<b>2,800,222,039</b>	<b>656,875,853</b>	<b>10,238,395,688</b>
Khấu hao trong kỳ	363,281,024	1,209,073,673	383,765,612	183,324,079	2,139,444,386
Tăng khác	-	-	-	233,385,319	233,385,319
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(165,240,000)	-	-	(165,240,000)
Giảm khác	-	(233,385,319)	(14,652,979)	14,652,979	(233,385,319)
<b>Số dư ngày 30/06/2011</b>	<b>2,260,383,220</b>	<b>5,694,643,954</b>	<b>3,169,334,672</b>	<b>1,088,238,230</b>	<b>12,212,600,074</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>30,871,900,260</b>	<b>6,274,094,041</b>	<b>3,845,901,403</b>	<b>385,407,199</b>	<b>41,377,302,903</b>
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>30,574,437,419</b>	<b>9,242,236,715</b>	<b>3,476,788,771</b>	<b>786,210,279</b>	<b>44,079,673,182</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.842.069.742 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.740.679.125 VND